CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 109/CV-DLG	*Gia Lai, ngày 16 tháng 6 năm 2018*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Mã chứng khoán: DLG

Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Trung Kiên

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐72 giờ ☐bất thường ☐ theo yêu cầu ☑định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai bổ sung Hồ sơ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

1. Đơn đề cử thành viên HĐQT và BKS của ông Bùi Pháp, Biên bản họp nhóm cổ đông và Đơn đề cử thành viên HĐQT của ông Nguyễn Tuyển;

2. Tài liệu đính kèm tờ trình 02/TTr-ĐHĐCĐ2018: Báo cáo kết quả chào bán 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng năm 2017; Báo cáo về tình hình sử dụng vốn từ ngày 13/2/2017 đến 31/12/2017 của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC với báo cáo được chấp nhận toàn phần (gồm: Ý kiến kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ).

3. Tờ trình 07/TTr-ĐHĐCĐ2018 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, cùng tài liệu đính kèm: Đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Đình Trạc, Lý lịch trích ngang của các ứng viên.

4. Tờ trình 08/TTr-ĐHĐCĐ2018 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS, cùng tài liệu đính kèm: Đơn từ nhiệm của ông Trần Cao Châu, Lý lịch trích ngang của ứng viên.

5. Tài liệu đính kèm tờ trình 12/TTr-ĐHĐCĐ2018: Quy chế quản trị nội bộ điều chỉnh một số nội dung sau:

STT	Tại	Quy chế quản trị trước khi chỉnh sửa (đã up web ngày 8/6/2018)	Quy chế quản trị sau khi chỉnh sửa (cập nhật ngày 16/6/2018)
1.	Khoản 1 điều 30	1.Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất **năm (05)** ngày,…	1. Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất **ba (03)** ngày,….
2.	Khoản 2 điều 51	2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 3 **Điều 32** của Điều lệ.	2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 3 **Điều 33** của Điều lệ.

6. Bản dự thảo: Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu thành viên HĐQT, Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Những nội dung khác trong Hồ sơ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty đã công bố ngày 8/6/2018 không thay đổi.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/6/2018 tại đường dẫn:

Website công ty: *http://www.duclonggroup.com/co-dong.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tài liệu đính kèm:

- *Hồ sơ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 sau khi bổ sung các nội dung theo công văn số 109/CV-DLG ngày 16/6/2018*

NGUYỄN TRUNG KIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----o0o----

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân): **Bùi Pháp**

CMND số: 230512386. Ngày cấp: 24/3/2010. Nơi cấp: CA tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: 03 Trần Quang Khải, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Hiện đang sở hữu: 53.168.118 cổ phần ***(Bằng chữ: Năm mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm mười tám cổ phần)***

Tương ứng với tổng mệnh giá là *(đồng)*: 531.681.180.000 đồng

(*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi mốt tỷ, sáu trăm tám mươi mốt triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).*

Đề nghị đề cử với Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai:

1. Ông: Paul Anthony Murphy

Số Hộ chiếu: P139025(6) Ngày cấp: 10/04/2016 Nơi cấp: Hong Kong

Địa chỉ: Apartment 14I, Sharma, 74-78 Nathan Road, Kowloon, Hong Kong.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Hiện đang sở hữu : 0 cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): 0 đồng.

2. Ông: Jaegyun Kim

Số Hộ chiếu: M84480569 Ngày cấp: 23/01/2017 Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Seoul Hàn Quốc

Địa chỉ: Dongjak-Gu Dongjakdaero 39 Gil 22, 101-Dong 1301-Ho (DongJak-Dong, Isu Hillstate Apt.)

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Hiện đang sở hữu : 0 cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): 0 đồng.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai nhiệm kỳ 2017 - 2022 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 6 năm 2018.

Bà Đặng Thị Hà

Số CMND: 230368392 Ngày cấp: 09/10/2006 Nơi cấp: CA Gia Lai

Địa chỉ: Tổ 12 - Phường Yên Đỗ – TP Pleiku – Tỉnh Gia Lai

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế

Hiện đang sở hữu : 0 cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): 0 đồng.

Trân trọng cảm ơn! ./.

Làm ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai nhiệm kỳ 2017 - 2022 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 6 năm 2018.

Pleiku, ngày 15 tháng 6 năm 2018

CỔ ĐÔNG

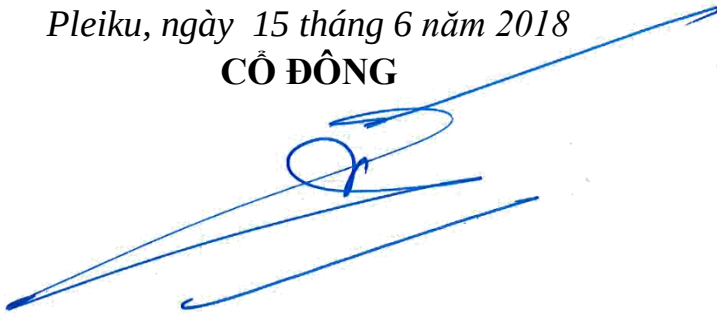

Bùi Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN HỌP NHÓM

ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017-2022 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Hôm nay, ngày 15 / 6 /2018, tại thành phố Pleiku, chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai cùng nhau nắm giữ **19.550.809 cổ phần**, chiếm **6,859%** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
1.	Nguyễn Tuyển	230852637	15 đường số 1, Phường 16, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	9.769.485	
2.	Nguyễn Thị Như Huyền	230689049	Phường Tây Sơn, Thị xã An Khê, Gia Lai	5.984.494	
3.	Phạm Thị Xuân Nương	230817861	P Hội Phú, TP Pleiku, Gia Lai	3.796.830	
Tổng cộng				**19.550.809**	

I/ Cùng nhất trí đề cử 01 thành viên vào HĐQT:

1. Ông: **ĐÀO ĐỨC HẠNH**

CMND số: 068053000003 cấp ngày 21/1/2016 tại Bộ Công An

Địa chỉ thường trú: 34 Trương Quyền, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Hiện đang sở hữu : 0 cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): 0 đồng.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty diễn ra ngày 23 tháng 6 năm 2018.

II/ Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông: Nguyễn Tuyển

CMND số: 230852637 Ngày cấp: 03/09/2008 Nơi cấp: CA tỉnh Gia Lai

Địa chỉ thường trú: 15 đường số 1, Phường 16, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ học vấn: Cử nhân Chuyên ngành: Kinh tế

Hiện đang sở hữu: 9.769.485 cổ phần *(Bằng chữ: Chín triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi lăm cổ phần)*

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 97.694.850.000 đồng. *(Bằng chữ:Chín mươi bảy tỷ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*

Biên bản này được lập vào lúc 16 giờ 00., ngày 15./.6../2018 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Gia Lai, ngày 15.. tháng ..6.. năm 2018

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

Nguyễn Tuyển

Ghi chú: Theo khoản 4 điều 17 Điều lệ Công ty. Hồ sơ đề cử như: đơn đề cử, đơn ứng cử, biên bản họp nhóm, … phải gửi về Ban tổ chức theo địa chỉ bên dưới **trước 16h00 ngày 20/6/2018 ./.** Hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về công ty sau thời hạn này sẽ không có giá trị.

- CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai - Số 90 Lê Duẩn, P.Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Người liên hệ: Bà Vũ Thị Hải – Trưởng ban QHNĐT - CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
SĐT: 0914 228 946 - Fax: (0269) 3747 366

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----o0o----

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

***Kính gửi*: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Tôi tên là: **NGUYỄN TUYỂN**

CMND số: 230852637 Ngày cấp: 03/09/2008 Nơi cấp: CA tỉnh Gia Lai

Địa chỉ thường trú: 15 đường số 1, Phường 16, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ học vấn: Cử nhân Chuyên ngành: Kinh tế

Hiện đang sở hữu: 9.769.485 cổ phần *(Bằng chữ: Chín triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi lăm cổ phần)*

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 97.694.850.000 đồng. *(Bằng chữ:Chín mươi bảy tỷ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*

Đề nghị đề cử với Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai:

Ông: **ĐÀO ĐỨC HẠNH**

CMND số: 068053000003 Ngày cấp: 21/1/2016 Nơi cấp: Bộ Công An

Địa chỉ thường trú: 34 Trương Quyền, Phường 6, Quận 3, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Hiện đang sở hữu : 0 cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): 0 đồng.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai nhiệm kỳ 2017 - 2022 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 6 năm 2018.

Trân trọng cảm ơn! ./.

Gia Lai, ngày 15. tháng 6. năm 2018

CỔ ĐÔNG

Nguyễn Tuyển

Ghi chú: Theo khoản 4 điều 17 Điều lệ Công ty. Hồ sơ đề cử như: đơn đề cử, đơn ứng cử, biên bản họp nhóm, … phải gửi về Ban tổ chức theo địa chỉ bên dưới **trước 16h00 ngày 20/6/2018 ./.** Hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về công ty sau thời hạn này sẽ không có giá trị.

- CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai - Số 90 Lê Duẩn, P.Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Người liên hệ: Bà Vũ Thị Hải – Trưởng ban QHNĐT - CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
SĐT: 0914 228 946 - Fax: (0269) 3747 366

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /BC-DLG	*Gia Lai, ngày 13 tháng 2 năm 2017*

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai)

(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 69/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/10/2016)

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, P.Trà Bá, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 0593.748.367
Fax: 0593.747.366

I. Cổ phiếu chào bán

1. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 199.186.117 cổ phiếu
5. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 1.991.861.170.000 đồng
6. Ngày phát hành: 5/12/2016 (ngày đăng ký cuối cùng)
7. Ngày bắt đầu chào bán: 8/12/2016
8. Ngày kết thúc chào bán: 8/02/2017
9. Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 8/12/2016 đến ngày 8/02/2017
   + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: từ ngày 8/12/2016 đến ngày 6/02/2017.
   + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: từ ngày 8/12/2016 đến ngày 8/02/2017.
10. Ngày thanh toán tiền mua cổ phiếu: từ ngày 8/12/2016 đến ngày 8/02/2017
11. Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: dự kiến tháng 03/2017

II. Tổ chức bảo lãnh phát hành

1. Tên tổ chức bảo lãnh phát hành chính: Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
2. Hình thức bảo lãnh: Bên bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành cổ phiếu theo hình thức cam kết nỗ lực tối đa.

3. Số lượng cổ phiếu cam kết bảo lãnh nổ lực tối đa: 100.000.000 cổ phần

Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội không thực hiện bảo lãnh theo cam kết bảo lãnh vì không tìm được nhà đầu tư phù hợp. Vì vậy, không phát sinh phí bảo lãnh phát hành.

4. Tên các tổ chức bảo lãnh phát hành khác và số lượng cổ phiếu cam kết bảo lãnh, số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết của từng tổ chức (*nếu có*): không

5. Phí bảo lãnh phát hành: 0 đồng

III. Đại lý phân phối: không

IV. Kết quả chào bán cổ phiếu

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đ/cp)	Số cổ phiếu chào bán	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua	Số lượng cổ phiếu được phân phối	Số người đăng ký mua	Số người được phân phối	Số người không được phân phối	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu phân phối
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU									
Cổ đông hiện hữu trong nước	10.000	199.186.117	54.913.473	54.913.473	16	16	0	144.272.644	27,57%
Tổng số		**199.186.117**	**54.913.473**	**54.913.473**	**16**	**16**	**0**	**144.272.644**	**27,57%**

V. Tổng hợp kết quả đợt chào bán cổ phiếu:

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 54.913.473 cổ phiếu, chiếm 27,57% tổng số cổ phiếu được phép phát hành.

2. Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu: 549.134.730.000 đồng (*có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu đính kèm).*

3. Tổng chi phí : 233.300.000 đồng

- Phí bảo lãnh phát hành: 0 đồng
- Phí tư vấn phát hành: 110.000.000 đồng
- Phí đăng tin quảng cáo: 36.300.000 đồng
- Phí thực hiện quyền và cấp danh sách cổ đông: 15.000.000 đồng
- Phí cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu: 50.000.000 đồng
- Phí kiểm toán vốn: 22.000.000 đồng

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 548.901.430.000 đồng

VI. Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán:

(Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 5/12/2016 để chào bán cổ phiếu ra công chúng và báo cáo kết quả phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu, và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 19/BC-ĐLGL, ngày 15/12/2016)

STT	Danh mục	Giá trị *(10.000 đồng)*	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Tổng vốn đầu tư chủ sở hữu:	285.057.815	3.259	100
	- Cổ đông trong nước, trong đó:	245.959.631	3.231	86,28
	+ Cổ đông nhà nước:	0	0	0
	+ Cổ đông khác:	245.959.631	3.231	86,28
	Cổ đông nước ngoài:	39.098.184	28	13,72
2	Chi tiết:			
	- Cổ đông sáng lập:	0	0	0
	- Cổ đông lớn:	75.145.279	2	26,36
	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	96.751.400	3.240	33,94

Danh sách và tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn:

1. **Cổ đông PYN ELITE FUNDS**

Số lượng cổ phiếu sở hữu sau đợt phát hành: **31.977.161 cổ phiếu**. Tỷ lệ: **11,21 %.**

2. **Ông Bùi Pháp – Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

Số lượng cổ phiếu sở hữu sau đợt phát hành: **43.168.118 cổ phiếu**. Tỷ lệ: **15,14%.**

Ghi chú: Trong thời gian từ ngày 5/12/2016 đến ngày 08/02/2017. Hai cổ đông lớn là Ông Bùi Pháp và PYN ELITE FUNDS đã thực hiện mua, bán cổ phiếu và đã thực hiện công bố thông tin theo quy định. Vì vậy số lượng cổ phiếu thực tế đến ngày 08/02/2017 của hai cổ đông lớn (bao gồm: số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 5/12/2016, số lượng cổ phiếu được nhận từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, số lượng cổ phiếu đã mua/bán từ ngày 5/12/2016 đến ngày 08/02/2017) là:

- **Cổ đông PYN ELITE FUNDS**

Số lượng cổ phiếu sở hữu sau đợt phát hành: **34.171.551 cổ phiếu**. Tỷ lệ: **11,99 %.**

- **Ông Bùi Pháp – Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

Số lượng cổ phiếu sở hữu sau đợt phát hành: **53.168.118 cổ phiếu**. Tỷ lệ: **18,65%.**

Gia Lai, ngày 13 tháng 2 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5900415... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI ★ TP. PLEIKU - GIA LAI ★

Phạm Anh Hùng

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ NGÀY 13/02/2017 ĐẾN NGÀY 31/12/2017 LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG THEO GIẤY CHỨNG NHẬN SỐ 69/GCN-UBCK NGÀY 20/10/2016 CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 722/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO VỀ CÁC PHÁT HIỆN THỰC TẾ

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, đã thực hiện các thủ tục thỏa thuận trước theo Hợp đồng dịch vụ số 117/HĐDV-AAC ngày 05/05/2018 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được ghi dưới đây về việc kiểm tra tình hình sử dụng vốn từ ngày 13/02/2017 đến ngày 31/12/2017 (của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 69/GCN-UBCK ngày 20/10/2016 và Quyết định về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 15/QĐ-UBCK ngày 05/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước). Công việc của chúng tôi được thực hiện phù hợp với Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ liên quan số 4400 – Hợp đồng thực hiện các thủ tục thỏa thuận trước đối với thông tin tài chính. Các thủ tục được thực hiện chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các cổ đông, báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng nêu trên và được tóm tắt như sau:

1. Chúng tôi thực hiện thu thập các hồ sơ pháp lý liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/10/2016 và Quyết định số 15/QĐ-UBCK ngày 05/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trên cơ sở số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng nêu trên và các sổ chi tiết từ ngày 13/2/2017 đến ngày 31/12/2017 do Công ty cung cấp liên quan đến việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, chúng tôi sẽ thực hiện kiểm tra các hồ sơ, chứng từ giải ngân thực tế, tổng hợp tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2017 và so sánh với phương án sử dụng vốn mà Công ty đã công bố.

Chúng tôi báo cáo về các phát hiện thực tế như sau:

a. Theo thủ tục ghi trong mục 1, chúng tôi nhận thấy hồ sơ pháp lý liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/10/2016 và Quyết định số 15/QĐ-UBCK ngày 05/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là phù hợp với qui định hiện hành. Việc tăng vốn đã được Đại hội cổ đông ngày 16/4/2016 thông qua kèm theo phương án sử dụng vốn cụ thể. Đại hội cổ đông cũng ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành quyết định việc chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết theo từng giai đoạn, phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của công ty.

b. Theo thủ tục ghi trong mục 2, chúng tôi nhận thấy tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 549.134.730.000 đồng (chỉ đạt 27,57% so với số vốn dự kiến huy động được Công ty). Từ ngày 13/02/2017 đến ngày 31/12/2017, số vốn đã huy động được giải ngân vào 2 mục đích là tăng vốn tại Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai và bổ sung vốn lưu động. Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2017 cụ thể như sau:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ NGÀY 13/02/2017 ĐẾN NGÀY 31/12/2017 CỦA TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU THEO GIẤY CHỨNG NHẬN SỐ 69/GCN-UBCK NGÀY 20/10/2016 CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

STT	Mục đích	Số tiền đã sử dụng từ đợt chào bán	Số tiền chưa sử dụng hết từ đợt chào bán
		VND	VND
1.	Tăng vốn tại Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai	495.000.000.000	-
2.	Bổ sung vốn lưu động	54.134.730.000	-
	Tổng	**549.134.730.000**	-

Báo cáo của chúng tôi chỉ sử dụng cho mục đích cung cấp thông tin cho các cổ đông, báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình sử dụng vốn từ ngày 13/02/2017 đến ngày 31/12/2017 (của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 69/GCN-UBCK ngày 20/10/2016 và Quyết định số 15/QĐ-UBCK ngày 05/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) và không được sử dụng cho bất cứ mục đích nào khác hoặc không được phát hành cho bất cứ bên nào khác. Báo cáo này chỉ liên quan đến những nội dung nêu trên, mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 05 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 1 - 4

Báo cáo kiểm toán 5

Báo cáo tài chính hợp nhất

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất 6 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 9
- Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 10 - 67

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 637/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30/03/2018, từ trang 6 đến trang 67, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:2970-2014-010-1

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**3.297.982.197.168**	**3.084.461.835.360**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**6**	**373.765.558.712**	**96.808.960.822**
1.	Tiền	111		362.212.184.207	55.799.705.616
2.	Các khoản tương đương tiền	112		11.553.374.505	41.009.255.206
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**297.462.372.053**	**580.094.590.556**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	7	282.423.265.980	264.000.000.000
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8.a	15.039.106.073	316.094.590.556
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**2.056.915.341.316**	**1.990.008.870.087**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	702.722.858.712	601.506.674.812
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	253.598.813.404	249.464.982.797
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11.a	989.399.424.338	900.157.764.619
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	12.a	133.299.064.653	253.259.588.778
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(22.104.819.791)	(14.380.140.919)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**14**	**541.211.555.289**	**413.496.716.240**
1.	Hàng tồn kho	141		561.279.373.724	430.989.454.152
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.067.818.435)	(17.492.737.912)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**28.627.369.798**	**4.052.697.655**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	66.918.097	374.285.506
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.196.516.906	3.677.359.715
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	363.934.795	1.052.434
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**5.014.509.234.882**	**3.921.186.265.659**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**1.252.611.212.942**	**248.386.304.573**
1.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	11.b	752.538.483.608	225.647.099.300
2.	Phải thu dài hạn khác	216	12.b	500.072.729.334	22.739.205.273
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**2.664.947.443.713**	**2.584.571.349.523**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	16	2.582.615.490.815	2.499.786.466.891
	- Nguyên giá	*222*		*3.486.817.112.645*	*2.947.624.020.324*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(904.201.621.830)*	*(447.837.553.433)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	17	82.331.952.898	84.784.882.632
	- Nguyên giá	*228*		*204.656.915.081*	*196.761.729.819*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(122.324.962.183)*	*(111.976.847.187)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**18**	**105.325.728.461**	**108.216.516.657**
	- Nguyên giá	231		122.870.111.864	124.210.456.151
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.544.383.403)	(15.993.939.494)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**660.713.035.677**	**603.458.413.186**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	19	660.713.035.677	603.458.413.186
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**29.039.631.433**	**56.466.429.083**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	8.b	26.819.631.433	26.615.469.977
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8.c	2.700.000.000	32.225.730.632
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8.c	(480.000.000)	(2.374.771.526)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**301.872.182.656**	**320.087.252.637**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	43.177.553.475	39.418.056.499
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	18.374.236.778	17.582.495.106
3.	Lợi thế thương mại	269	21	240.320.392.403	263.086.701.032
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**8.312.491.432.050**	**7.005.648.101.019**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**4.960.731.768.102**	**4.352.355.040.662**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.759.611.933.187**	**1.469.761.413.094**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	495.283.480.952	411.726.186.278
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	88.275.687.487	87.537.482.335
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	104.802.680.195	71.432.694.256
4.	Phải trả người lao động	314		37.975.832.415	26.744.859.163
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	156.947.658.897	67.566.339.431
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26	122.727.273	585.354.550
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	27.a	133.260.441.440	109.573.887.271
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28.a	743.495.289.336	695.132.641.618
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(551.864.808)	(538.031.808)
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**3.201.119.834.915**	**2.882.593.627.568**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	27.b	4.000.000.000	7.746.335.250
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28.b	3.181.786.535.905	2.867.395.107.764
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29	12.091.150.520	5.475.243.634
4.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	30	3.242.148.490	1.976.940.920
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**3.351.759.663.948**	**2.653.293.060.357**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**3.351.759.663.948**	**2.653.293.060.357**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	31	2.850.578.150.000	2.301.443.420.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.850.578.150.000*	*2.301.443.420.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	31	50.510.908.328	50.512.788.328
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	31	12.678.454.700	12.540.175.048
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418	31	6.196.436.959	6.196.436.959
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	31	180.792.184.488	126.085.637.834
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*123.485.602.592*	*68.723.267.932*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*57.306.581.896*	*57.362.369.902*
6.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	32	251.003.529.473	156.514.602.188
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**8.312.491.432.050**	**7.005.648.101.019**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Anh Hùng	Vũ Thị Hải	Nguyễn Thị Phương Thủy

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	2.913.844.748.638	2.490.622.091.974
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	16.335.351.010	13.340.460.925
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		2.897.509.397.628	2.477.281.631.049
4.	Giá vốn hàng bán	11	36	2.409.618.055.682	2.014.660.932.536
5.	**Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ**	**20**		**487.891.341.946**	**462.620.698.513**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	153.392.064.537	87.908.305.215
7.	Chi phí tài chính	22	38	352.360.756.197	309.517.738.879
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*350.324.190.859*	*295.657.059.415*
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		204.161.456	164.488.199
9.	Chi phí bán hàng	25	39.a	41.173.480.017	18.970.902.120
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39.b	171.850.630.786	131.360.007.832
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**76.102.700.939**	**90.844.843.096**
12.	Thu nhập khác	31	40	21.643.901.670	2.916.680.824
13.	Chi phí khác	32	41	8.994.165.515	8.236.708.535
14.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**12.649.736.155**	**(5.320.027.711)**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**88.752.437.094**	**85.524.815.385**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	23.586.932.274	25.877.098.103
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.803.631.236	4.242.300.353
18.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**59.361.873.584**	**55.405.416.929**
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		57.306.581.896	52.673.583.537
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.055.291.688	2.731.833.392
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	43	206	238
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	43	206	238

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Anh Hùng	Vũ Thị Hải	Nguyễn Thị Phương Thủy

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	**01**		**88.752.437.094**	**85.524.815.385**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	16,17,18,21	156.743.198.011	147.345.987.258
-	Các khoản dự phòng	03		10.171.827.182	(25.056.336.312)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	39	1.381.231	(107.439.589)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	37,38,40,41	(169.168.008.280)	(72.920.139.016)
-	Chi phí lãi vay	06	39	350.324.190.859	295.657.059.415
3.	***LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động***	**08**		**436.825.026.097**	**430.443.947.141**
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(468.145.995.153)	(200.717.744.529)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(122.256.828.267)	99.091.546.660
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		133.750.824.572	12.861.824.883
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(305.438.726)	2.491.217.956
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		18.423.265.980	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	25,27,39	(326.594.392.528)	(306.640.649.710)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	24	(7.718.739.714)	(10.727.818.300)
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.613.833.000)	(1.589.082.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(338.636.110.739)**	**25.213.242.101**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(278.324.959.343)	(534.568.184.108)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		27.701.082.727	5.655.125.450
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.583.244.499.147)	(1.475.339.387.918)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		1.329.813.994.337	1.412.975.787.760
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		1.347.679.124	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		58.869.982.662	18.938.457.726
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,37	138.382.104.243	47.808.000.444
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(305.454.615.397)**	**(524.530.200.646)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		549.132.850.000	18.487.700.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33		1.443.673.435.903	1.055.136.525.335
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.075.341.207.025)	(696.664.526.413)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**917.465.078.878**	**376.017.663.848**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**273.374.352.742**	**(123.299.294.697)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	96.808.960.822	220.107.949.123
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		3.582.245.148	306.396
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	**373.765.558.712**	**96.808.960.822**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Anh Hùng	Vũ Thị Hải	Nguyễn Thị Phương Thủy

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

DUCLONG GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07/TTr-ĐHĐCĐ2018

Pleiku ngày 23 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

- Biên bản họp số 12/BB-HĐQT-ĐLGL ngày 14/5/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai về ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018;

- Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Đình Trạc

- Đơn đề cử thành viên HĐQT của ông Bùi Pháp và ông Nguyễn Tuyển

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua :

1. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 -2022 là: 7 người.
2. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

2.1. Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với ông: Nguyễn Đình Trạc (có đơn từ nhiệm)

2.2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với:

- Ông Đào Đức Hạnh
- Ông Jaegyun Kim
- Ông Paul Anthony Murphy

(Có lý lịch trích ngang đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận:
- Toàn thể cổ đông;
- Lưu: VT/BKS/
VP. HĐQT/Ban QHNĐT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5900415863 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI TP. PLEIKU - T. GIA LAI

Bùi Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG VĂN ĐẾN
Số:...
Ngày: 5 tháng 6 năm 2018

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Tên tôi: **Nguyễn Đình Trạc**

Sinh năm: 1957

CMND số: 230013482. Cấp ngày: 13/06/2007. Tại: Công an tỉnh Gia Lai

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai nhiệm kỳ 2017- 2022.

Nay tôi làm đơn này kính gửi đến Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai chấp thuận cho tôi xin từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Lý do: Chuyển sang vị trí công tác khác

Thời gian: Kể từ khi có Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Kính mong ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai chấp thuận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào ./.

Gia Lai, ngày 04 tháng 6 năm 2018

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Nguyễn Đình Trạc

DANH SÁCH LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁ NHÂN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Kèm theo tờ trình số: 07/TTr-ĐHĐCĐ2018)

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHUYÊN MÔN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC		SỐ CỔ PHẦN
				TỪ NĂM -> NĂM	CHỨC VỤ VÀ ĐỊA CHỈ CÔNG TÁC	
1	Đào Đức Hạnh	1953	Cử nhân kinh tế	Từ 1975 đến 1977	Công tác thành đoàn Thanh Niên Hồ Chí Minh	0
				Từ 1977 đến 1980	Công tác tại Ủy ban Cách mạng TP Hồ Chí Minh	
				Từ 1980 đến 1987	Phó Tổng Giám Đốc - Liên hiệp XNK Nhà Bè	
				Từ 1987 đến 1989	Phó Tổng Giám Đốc - Công ty XNK Nông Lâm Thủy Sản Hồ Chí Minh	
				Từ 1989 đến 1993	Phó Tổng Giám đốc thường trực - Công ty XNK may Huy Hoàng Tp. Hồ Chí Minh	
				Từ 1993 đến 2009	Giám đốc Công ty TNHH XD Giao thông TM Tân Á - TANACO và Giám đốc công ty Taxi đỏ	
				Từ 2009 đến 10/2017	Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng giao thông Việt Nam	
				Từ 11/2017 đến nay	Làm việc tại CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	
2	Jaegyun Kim	1963	Quản trị kinh doanh	Từ 04/1997 đến 05/2000	Tổng Giám đốc Nhóm hoạt động tài khoản riêng của Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ SK	0
				Từ 02/2003 đến 07/2005	Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Saehan IT	
				Từ 04/2010 đến 03/2014	Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH Điện Tử Sejin	
				Từ 04/2011 đến 11/2014	Giám đốc điều hành và Chủ tịch tại Công ty Điện tử Hanbit	
				Từ 07/2012 đến 01/2014	Giám đốc điều hành và Phó Chủ Tịch cấp cao tại Công ty TNHH Mercury Asset Plus	

				Từ 07/2016 đến hiện nay	Tổng Giám Đốc Điều Hành và Chủ Tịch tại công ty điện tử DLG Hanbit	
				Làm việc với tư cách là chuyên gia của nhiều vị trí trong lĩnh vực Đầu tư, Tài chính và Điện tử hơn 27 năm		
3	Paul Anthony Murphy	1957	Quản trị kinh doanh	Từ 1991 đến 2001	Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Viễn Thông Vtech	0
				Từ 2001 đến 2004	Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Elite	
				Từ 2004 đến 2006	Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Quốc tế IDT	
				Từ 2007 đến 2008	Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Điện Tử iXone	
				Từ 2008 đến 2011	Phó Tổng tại Công ty TNHH Flextronics	
				Từ 2011 đến 2014	Giám Đốc Điều Hành tại Công ty điện tử Ansen	
				Từ 2016 đến hiện nay	Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty TNHH Đầu tư Ansen	

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N:5900415863-C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI ★ TP.PLEIKU-T.GIA LAI

BÙI PHÁP

DUCLONG GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/TTr-ĐHĐCĐ2018

Pleiku ngày 23 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Biên bản họp số 12/BB-HĐQT-ĐLGL ngày 14/5/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai về ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018;

- Đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của ông Trần Cao Châu

- Đơn đề cử thành viên Ban kiểm soát của ông Bùi Pháp

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, cụ thể sau:

1. Miễn nhiệm tư cách thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông: Trần Cao Châu (Có đơn từ nhiệm)
2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát đối với Bà: Đặng Thị Hà *(Đính kèm lý lịch trích ngang)*

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận:
- Toàn thể cổ đông;
- Lưu: VT/BKS/ VP. HĐQT/Ban QHNĐT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5900415863-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI TP. PLEIKU-T. GIA LAI

Bùi Pháp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN TỪ NHIỆM
Chức danh thành viên Ban Kiểm soát Công ty

Kính gửi:
- Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty.

Tôi tên là: **Trần Cao Châu**

Sinh ngày: 01/12/1971 tại: Yên Đỗ, TP. Pleiku, Gia Lai;

CMTND số: 230415250 cấp ngày 16/7/2008 tại Công an tỉnh Gia Lai;

Địa chỉ thường trú: 146/1 Nguyễn Văn Cừ, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai;

Tại Đại hội cổ đông năm 2017 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, tôi đã được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022. Từ đó đến nay tôi luôn hoàn thành mọi công việc và trách nhiệm với cương vị của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Nay, vì lý do cá nhân, tôi không thể tiếp tục đảm đương được trọng trách thành viên Ban Kiểm soát Công ty. Tôi làm đơn này kính xin Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cho phép tôi được từ nhiệm khỏi chức danh thành viên Ban Kiểm soát Công ty kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Pleiku, ngày 28 tháng 3 năm 2018
NGƯỜI LÀM ĐƠN

Trần Cao Châu

DANH SÁCH LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁ NHÂN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

(Kèm theo tờ trình số: 08/TTr-ĐHĐCĐ2018)

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHUYÊN MÔN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC		SỐ CỔ PHẦN
				TỪ NĂM -> NĂM	CHỨC VỤ VÀ ĐỊA CHỈ CÔNG TÁC	
1	Đặng Thị Hà	1968	Cử nhân kinh tế	Từ 1995 đến 1996	Kế toán tổng hợp Công ty xây dựng 45	0
				Từ 1997 đến 2006	Phó phòng tài vụ Công ty xây dựng 45	
				Từ 1997 đến 2012	Kế toán trưởng Doanh nghiệp tư nhân Anh Dung	
				Từ 2013 đến nay	Kế toán trưởng CTCP BOT&BT Đức Long Gia Lai	

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI PHÁP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI
90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Tel: 0269.3748367 - Fax: 0269.3747366
E-mail: duclong@duclonggroup.com - Website: http:/www.duclonggroup.com

DUCLONG GROUP

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ CÔNG TY

(DỰ THẢO)

Tháng 6 năm 2018

QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2018 ngày 23/6/2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 71) ngày 06/6/2017 của Chính phủ quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng,Thông tư 95/2017/TT-BTC (gọi tắt là Thông tư 95) ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71 về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
2. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
4. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
5. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
6. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
7. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
8. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác;
9. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty;

10. Quy định báo cáo và công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

a. "Quản trị công ty": là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

b. "Công ty": là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

c. "Điều lệ": là Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và sửa đổi, đang có hiệu lực thi hành.

d. "Cổ đông": là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

e. "Đại hội đồng Cổ đông" hoặc "Đại hội": là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

f. "Người có liên quan": là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

g. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành": là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6, Điều 2 Nghị định 71: Không phải là Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h. "Thành viên Hội đồng quản trị độc lập": là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2, Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

i. "Người điều hành doanh nghiệp": là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định tạiĐiểm e và f Khoản 2 Điều 11 của Điều lệ sẽ thực hiện theo trình tự như sau:

a. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng quản trị Công ty.

b. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Ban Quan hệ Nhà đầu tư để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay khi đưa yêu cầu.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến c Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công Ban Quan hệ Nhà đầu tư Công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc này.

d. Cổ đông phải trả phí cho việc cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 6. Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,… phải đăng ký với Ban Quan hệ Nhà đầu tư hoặc Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Ban Quan hệ Nhà đầu tư phối hợp với Người phụ trách quản trị Công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).

2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công ty.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau:

a. Website chính thức của Công ty: http://www.duclonggroup.com

b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;

c. Thông cáo báo chí của Công ty;

d. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

e. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:

a. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách.

b. Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.

d. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

e. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trước ít nhất mười năm(15) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội, Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 9. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi tới cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng quản trị phải có văn bản trả lời chính thức bằng văn bản về yêu cầu triệu tập.

c. Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp theo quy định tại Điểm bvà Điểm c Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách cổ đông có quyền dự họp.

3. Công ty phải hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ,có ghi thông tin của Công ty là bên mua hàng

Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi tới cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 11của Điều lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác;

b. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 12. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, hoặc họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ hoặc được ủy quyền. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản

đối hay số thẻ không có ý kiến gì,sẽ được Ban kiểm phiếu Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Theo quyết định của ít nhất 65% tổng số cổ đông tham dự cuộc họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu.

Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức trong nước bất kỳ do Chủ tọa lựa chọn với điều kiện là tổ chức này không phải là người có liên quan của những người có quyền và nghĩa vụ trong vấn đề nhạy cảm mà Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận, không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23của Điều lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty tối thiểu mười lăm (15) năm kể từ ngày ban hành.

Điều 15. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản và nghị quyết Đại hội cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 21 Điều lệ

2.Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

CHƯƠNG IV

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 27 Điều lệ

Điều 18. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng quản trị: Việc đề cử các ứng viên bầu vào HĐQT thực hiện theo quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 24 Điều lệ

2. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông được tổ chức.

3. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sỡ hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;

b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;

c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Ứng viên trúng cử Hội đồng quản trị phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 51% tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

8. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

9. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

10. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 20. Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp theo quy định tại mục 2.3 khoản 2 Điều 24 của Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 23. Thù lao của Hội đồng quản trị

Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

CHƯƠNGV
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 18, 19 của Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 25. Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.

Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Điều 26. Thành phần Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Điều 27. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 28. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG VI

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại từ Khoản 2 đến Khoản 5 Điều 28 của Điều lệ.

3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Người phụ trách quản trị Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 30.Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày, trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.

2. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Người phụ trách quản trị Công ty có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.

3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty.

4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.

Điều 31. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 32. Bỏ phiếu trước bằng văn bản

Các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 33: Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng các yêu cầu, thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do;

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng;

h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp. Tại cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp phải ký vào biên bản họp;

j. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn ít nhất là mười lăm (15) năm.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 35. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Về trình độ:

– Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

– Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất là năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính Công ty:

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

– Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

– Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

– Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Người điều hành doanh nghiệp khác (Trưởng, phó phòng ban, Giám đốc Chi nhánh, Đội trưởng sản xuất và tương đương):

Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc. Riêng thời gian công tác thực tế trong lĩnh vực được bổ nhiệm ít nhất là ba (03) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

Điều 37. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc

1.1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, …) để lựa chọn người được bổ nhiệm. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không lựa chọn được thì việc chọn người bổ nhiệm làm Tổng Giám đốcdo Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

1.2. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

a. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

b. Bản kê khai tài sản, thu nhập;

c. Chương trình hành động;

d. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;

e. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);

f. Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có).

1.3. Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết bổ nhiệm để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và người điều hành doanh nghiệp khác (Trưởng, phó phòng ban, Giám đốc Chi nhánh, Đội trưởng sản xuất và tương đương):

Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và người điều hành doanh nghiệp khác được bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm gồm:

a. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

b. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;

c. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);

Điều 38. Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của Người điều hành doanh nghiệp

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm từ ba (3) đến năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 39. Bổ nhiệm lại chức vụ của người điều hành doanh nghiệp.

1. Khi người điều hành doanh nghiệp kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Điều kiện để bổ nhiệm lại:

– Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;

– Phẩm chất đạo đức tốt;

– Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;

– Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ;

– Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

3. Hồ sơ trình Công ty bổ nhiệm lại như là hồ sơ bổ nhiệm lần đầu.

Điều 40. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành doanh nghiệp

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho người điều hành doanh nghiệp nêu tại Điều 37 Quy chế này. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc thì người điều hành doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc có thể miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác trong trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

b. Sức khỏe người điều hành doanh nghiệp không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 42. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII
QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 người làm Người phụ trách quản trị công ty hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Điều 44. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, mẫn cán, thận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 45. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác trong Công ty cung cấp các

thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Người điều hành doanh nghiệp khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 46. Nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 47. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

Điều 48. Trách nhiệm báo cáo cho Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban Kiểm soát các vấn đề được Ban Kiểm soát yêu cầu.

2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 49. Tham gia của Ban Kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban Kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền của Trưởng Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị sau khi thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về sự tham dự của mình.

Điều 50. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị các thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị, ngoại trừ các trường hợp: Công bố thông tin theo quy định của pháp luật; phổ biến cho những người được ủy quyền dự họp và các trường hợp khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC 2: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 3 Điều 33 của Điều lệ.

Điều 52. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 53. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và phải báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

3. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,…) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT

Điều 54. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty.

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế.

5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Công ty và các cổ đông.

6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích.

7. Mẫn cán và trung thực.

8. Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Điều 55. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của người điều hành doanh nghiệp để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi cũ họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty.

5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông.

6. Ban Kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

7. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin

cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

CHƯƠNG IX
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CÔNG TY

Điều 56. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá người điều hành khác trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

c. Hoàn thành nhiệm vụ;

d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 57. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Chế độ khen thưởng

a. Bằng tiền;

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 58. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X
QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 59. Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.

2. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban.

4. Thành viên bên ngoài được quyết biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban.

Điều 60. Nguyên tắc hoạt động của các Tiểu ban

1. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

2. Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 61. Nhiệm vụ của các Tiểu ban

1. Tiểu ban chính sách phát triển có trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển chung của công ty.

2. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ xây dựng quy trình và giám sát các hoạt động tài chính của công ty.

3. Tiểu ban nhân sự có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và quy trình quản lý nhân sự cấp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.

4. Tiểu ban lương thưởng có nhiệm vụ xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.

5. Hội đồng quản trị cũng có thể xem xét thành lập thêm một số Tiểu ban khác hỗ trợ hoạt động công ty nếu thấy cần thiết.

CHƯƠNG XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 38 của Điều lệ và các quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 63. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 64. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG XII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 65. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ dông và công chúng đầu tư.

Điều 66. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 67. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và Thông tư 155/2015/BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính

b. Có ít nhất một nhân viên công bố thông tin

2. Nhân viên công bố thông tin có thể làm việc kiêm nhiệm

3. Nhân viên công bố thông tin là người:

a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỷ năng nhất định về tin học;

b. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cô dông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

4. Nhân viên công bố thông tin có trách nhiệm:

a. Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

CHƯƠNG XIII
CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 68. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Xử lý vi phạm

Trường hợp công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Hiệu lực

Quy chế này bao gồm 70 điều đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2018.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, BanTổng Giám đốc, Trưởng các phòng, ban, lãnh đạo các công ty/chi nhánh/đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5900415863-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
T.P PLEIKU-T.GIA LAI

Bùi Pháp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
90 Lê Duẩn, P.Phù Đổng, TP.Pleiku,Tỉnh Gia Lai.
ĐT: (84-269) 3748367 – Fax: (84-269) 3747366

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
(Ngày 23 tháng 6 năm 2018)

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông/Đại diện theo ủy quyền: ……..……....
Số ĐKSH: ……..
Số cổ phần được biểu quyết:……..…….
Trong đó: - Số cổ phần thuộc quyền sở hữu……
- Số cổ phần được ủy quyền:…..……

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

Cổ đông đánh dấu V vào các nội dung tương ứng dưới đây:

STT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
1.	Báo cáo về hoạt động của HĐQT	☐	☐	☐
2.	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch SXKD 2018 của Ban Tổng giám đốc	☐	☐	☐
3.	Báo cáo thẩm tra hoạt động SXKD năm 2017 của BKS	☐	☐	☐
4.	Tờ trình đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	☐	☐	☐
5.	Tờ trình thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng, Báo cáo về tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2017	☐	☐	☐
6.	Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2017	☐	☐	☐
7.	Tờ trình về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2018	☐	☐	☐
8.	Tờ trình về thù lao, chí phí năm 2017, và kế hoạch thù lao, chi phí năm 2018 cho thành viên HĐQT, BKS công ty	☐	☐	☐
9.	Tờ trình về việc chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018	☐	☐	☐
10.	Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT	☐	☐	☐
11.	Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS	☐	☐	☐
12.	Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định các nội dung liên quan đến việc đầu tư, góp vốn hoặc mua bán tài sản	☐	☐	☐
13.	Tờ trình về việc ủy quyền thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng và người có liên quan	☐	☐	☐
14.	Tờ trình về việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản trị	☐	☐	☐
15.	Tờ trình về việc thông qua Quy chế quản trị Công ty	☐	☐	☐
16.	Tờ trình về việc xem xét tiêu chí Trưởng Ban kiểm soát	☐	☐	☐
17.	Tờ trình về việc thay đổi tên công ty	☐	☐	☐

CỔ ĐÔNG
(ký tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

PHIẾU BẦU

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017-2022

Ngày 23 tháng 6 năm 2018

HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG:

SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC ỦY QUYỀN	TỔNG SỐ	SỐ PHIẾU BẦU

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Thể lệ bầu cử đã thông qua tại Đại hội, năng lực, tư cách và đạo đức của ứng cử viên, tôi đồng ý bầu ứng cử viên sau đây vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Ông Đào Đức Hạnh	
2	Ông Jaegyun Kim	
3	Ông Paul Anthony Murphy	

CỔ ĐÔNG KÝ TÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

PHIẾU BẦU

BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017-2022

Ngày 23 tháng 6 năm 2018

HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG:

SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC ỦY QUYỀN	TỔNG SỐ	SỐ PHIẾU BẦU

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Thể lệ bầu cử đã thông qua tại Đại hội, năng lực, tư cách và đạo đức của ứng cử viên, tôi đồng ý bầu ứng cử viên sau đây vào Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Đặng Thị Hà	

CỔ ĐÔNG KÝ TÊN

DUCLONG GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 23 tháng 6 năm 2018

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐTN2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Tập đoàn ĐLGL tổ chức ngày 23 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Báo cáo sau đây:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả SXKD 2017 và kế hoạch SXKD 2018:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Kết quả	Tỷ lệ % đạt được
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	3.500	2.913,85	83,25%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	300	88,75	29,58%

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo:

CHỈ TIÊU	2018	2019	2020
- Doanh thu	3.200	3.800	4.600
- Lợi nhuận sau thuế	140	180	220

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm tra hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty

cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai theo Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ2018 ngày 23/6/2018.

Điều 3. Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng, Báo cáo về tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2017 Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán: Chi tiết đăng tại website: http://www.duclonggroup.com/; và trang web chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Riêng lẻ (công ty mẹ)	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Đồng	5.287.017.407.616	8.312.491.432.050
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	3.054.947.752.578	3.351.759.663.948
3	Doanh thu thuần	Đồng	1.251.716.888.400	2.897.509.397.628
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	51.023.509.461	59.361.873.584
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	-	206

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, cụ thể như sau:

- LNST chưa phân phối trên BCTC công ty mẹ tại 31/12/2017 : 147.662.257.291 đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (3%) : 4.400.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế còn lại : 143.262.257.291 đồng
- Lợi nhuận trả cổ tức (5% bằng cổ phiếu) : 142.528.900.000 đồng

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT:

4.1 Phát hành thêm 14.252.890 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 14.252.890 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 142.528.900.000 đồng.

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 5%/vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2017 của Công ty.

- Đối tượng được chia cổ tức bằng cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp theo quy định.

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:5 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 5%) (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ mỗi 100 quyền nhận sẽ được nhận 5 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

- Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 585 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là (585 : 100) x 5 = 29,25 cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được nhận số cổ phiếu làm tròn xuống là 29 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,25 cổ phiếu sẽ bị hủy.

- Đặc điểm cổ phiếu được chia: Cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Nguồn vốn thực hiện: Lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2017 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

4.2 Thông qua việc ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cụ thể :

- Chủ động lựa chọn thời điểm phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp các cơ quan này yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải công bố thông tin theo quy định.
- Chủ động lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện trả cổ tức.
- Chủ động thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo tổng mức vốn điều lệ và tổng số cổ phần sau đợt phát hành trên cơ sở thực tế kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức.
- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu.
- Các công việc khác có liên quan đến đợt phát hành.

4.3 Thông qua việc lưu ký, niêm yết bổ sung

Sau khi kết thúc đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ

sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX).

4.4 Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, ủy quyền cho Hội đồng quản trị cân nhắc và quyết định thời điểm phát hành, triển khai các thủ tục thực hiện phương án chi trả nêu trên trong thời gian thích hợp tùy thuộc vào tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty./.

Điều 5. Thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2018, cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần : 3.200.000.000.000 đồng;
- Lợi nhuận : 140.000.000.000 đồng;
- Cổ tức dự kiến : 5%.

Điều 6. Thông qua thù lao, chi phí năm 2017 và kế hoạch thù lao, chi phí năm 2018 cho HĐQT, Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

6.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017:

6.1.1. Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/tháng;
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người.

6.1.2. Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát :

- Trưởng Ban Kiểm soát : 10.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên Ban Kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trong năm 2017 do không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận nên các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tự nguyện không nhận thù lao.

6.2. Kế hoạch thù lao, chi phí năm 2018:

6.2.1. Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/tháng;
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

6.2.2. Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát :

- Trưởng Ban Kiểm soát : 10.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên Ban Kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

6.2.3. Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được thưởng:

- 2% (hai phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm;

- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị kiểm toán thuộc danh sách các công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán Báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết. Để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty một cách nhanh chóng và kịp thời với chi phí hợp lý nhất.

Điều 8. Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 -2022 là: 7 người.

Đồng thời thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với ông: Nguyễn Đình Trạc

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị đối với:

- Ông Đào Đức Hạnh
- Ông Jaegyun Kim
- Ông Paul Anthony Murphy

Điều 9: Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát đối với ông: Trần Cao Châu

Đồng thời thông qua kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát đối với bà Đặng Thị Hà

Điều 10. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định các nội dung liên quan đến việc đầu tư, góp vốn hoặc mua bán tài sản, nội dung như sau:

1. Quyết định đầu tư, góp vốn hoặc mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

2. Báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nêu trên tại Đại hội đồng cổ đông phiên họp gần nhất.

Điều 11. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng và người có liên quan, nội dung cụ thể như sau:

1. Quyết định các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa Công ty với các đối tượng và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 159 và khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp năm 2014.

2. Quyết định lựa chọn các đối tượng khác để thực hiện các hợp đồng, giao dịch phù hợp với quy định khoản 2 Điều 159 và khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp năm 2014.

3. Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch theo quy định pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị Công ty về việc ký kết và thực hiện hợp đồng.

4. Báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nêu trên tại Đại hội đồng cổ đông phiên họp gần nhất.

Điều 12. Thông qua việc không thành lập tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Hội đồng quản trị sẽ phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự và lương thưởng.

Điều 13. Thông qua Quy chế quản trị Công ty cập nhật theo các quy định mới của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

Điều 14. Thông qua điều chỉnh tiêu chí Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022: "*Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành tài chính, kế toán hoặc kiểm toán"*

Điều 15. Thông qua việc thay đổi tên công ty như sau:

Thay đổi tên Công ty:

a) Tên hiện nay:

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**
- Tên tiếng Anh: Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Đức Long Gia Lai
- Tên viết tắt: DLGL

b) Nay đổi tên:

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn DLG**
- Tên tiếng Anh: DLG Group Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Tập đoàn Đức Long
- Tên viết tắt: DLG

Các thông tin khác của Công ty vẫn giữ nguyên như hiện tại.

Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục thay đổi tên Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản có liên quan khác; thông báo cho các đối tác, khách hàng, nhà đầu tư biết tên mới của Công ty để tiện quan hệ, giao dịch.

Điều 16. Tổ chức thực hiện:

1. HĐQT căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, xây dựng kế hoạch chủ động tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành./.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- UBCKNN;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban TGĐ;
- VPTĐ;
- Ban QHNĐT;
- Lưu: VT+HSĐHCĐ.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Pháp